

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VC
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2019

Về việc “Yêu cầu tuyên bố

Không công nhận quan hệ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VC, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long.

2. Bà Lê Thị Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng xét xử công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Thông báo về việc dời phiên tòa sơ thẩm số: 03/2019/TB-TA ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà La Thị Thu Đ, sinh năm 1971 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà X hẻm XX, khóm 4, Phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Thái Lại Mỹ Tr, sinh năm 1966 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 300 khóm Cà S, Phường XXX, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2019 (Bút lục số 01), nguyên đơn là bà La Thị Thu Đ trình bày: Năm 1995, bà La Thị Thu Đ với ông Thái Lại Mỹ Tr dựa trên tình thân tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý nên đã tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Sau lễ cưới, bà Đ và ông Tr sống chung tại khóm Cà S, Phường

XXX, thị xã VC được 03 năm thì cùng đến sống tại Số nhà X hẻm XX, khóm 4, Phường 1, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình sống chung, bà Đ và ông Tr có một con chung là em Thái Tín Nh (Nữ), sinh ngày 20/8/1996. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp tính tình, thường xảy ra cãi vã nên tình cảm ngày càng phai nhạt, không thể hàn gắn được nữa. Từ năm 2010, bà Đ và ông Tr không còn sống chung. Do đó, bà La Thị Thu Đ yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Đ với ông Thái Lài Mỹ Tr là vợ chồng; về con chung: Em Thái Tín Nh đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ mà bà Đ giao nộp Tòa án bao gồm: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của bà La Thị Thu Đ; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của em Thái Tín Nh (Tờ bút lục số 02 đến bút lục số 05).

- Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10 tháng 4 năm 2019 (Bút lục số 32, 33), bị đơn là ông Thái Lài Mỹ Tr trình bày: Ông Tr đã hiểu được nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà La Thị Thu Đ. Ông Tr thừa nhận về thời điểm và quá trình sống chung, việc phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như bà Đ trình bày. Đồng thời, ông Tr khẳng định các tài liệu, chứng cứ mà bà Đ nộp Tòa án và nội dung các Biên bản xác minh của Tòa án là đúng sự thật và đồng ý để Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa ông Tr với bà Đ là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của bà Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh về nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa bà Đ và ông Tr tại Ủy ban nhân dân Phường XXX và Ủy ban nhân dân Phường XX, thị xã VC (Bút lục số 22, 23).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, các đương sự mâu thuẫn trầm trọng, không có nguyện vọng tiếp tục sống chung và đăng ký kết hôn để được pháp luật bảo hộ chế độ hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, công nhận quan hệ sống chung giữa bà La Thị Thu Đ với ông Thái Lại Mỹ Tr không phải là vợ chồng; ghi nhận các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về quyền nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung; về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Thu Đ được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 14, 15, 16 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng được quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp Tòa án và tài liệu mà Tòa án đã thu thập đều đã công bố cho các đương sự nhưng ông Tr không phản đối; căn cứ điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của bà Đ tại đơn khởi kiện là đúng sự thật, bà Đ và ông Tr không tồn tại hôn nhân hợp pháp được pháp luật điều chỉnh tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; giữa bà Đ và ông Tr có một con chung là em Thái Tín Nh (Nữ), sinh ngày 20/8/1996. Do bất đồng quan điểm, sống chung không hòa hợp tính tình, thường xảy ra cãi vã nên từ năm 2010 bà Đ và ông Tr đã không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa; bà Đ và ông Tr đều không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm, không có nguyện vọng thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn để được pháp luật bảo hộ hôn nhân hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định tình trạng sống chung giữa bà Đ và ông Tr đang lâm vào trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được nữa nên cần phải áp dụng Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết không công nhận quan hệ sống chung giữa bà La Thị Thu Đ với ông Thái Lại Mỹ Tr là vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh Ủy ban nhân dân Phường XXX và Biên bản xác minh Ủy ban nhân dân Phường XX, thị xã VC đều thể hiện bà Đ và ông Tr có một con chung là em Thái Tín Nh có khả năng lao động. Em Như đã trưởng

thành và bà Đ với ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các đương sự cùng khẳng định tài sản chung, nợ chung đều không có và không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, 15 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà La Thị Thu Đ và ông Thái Lài Mỹ Tr không phải là vợ chồng.

2. Về quyền nuôi con chung: Em Thái Tín Nh (Nữ), sinh ngày 20/8/1996 đã trưởng thành, bà La Thị Thu Đ với ông Thái Lài Mỹ Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà La Thị Thu Đ với ông Thái Lài Mỹ Tr cùng khẳng định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn là bà La Thị Thu Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0007802 ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn là bà La Thị Thu Đ và bị đơn là ông Thái Lại Mỹ Tr được quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi Nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã VC;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thanh